

Phụ lục 1

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số: 1830/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Bồi thường đất nông nghiệp	Hỗ trợ đất nông nghiệp cùng thửa đất ở	Bồi thường sản lượng	Bồi thường cây trồng	Bồi thường tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định sản xuất	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=3+...+10
1	Nguyễn Thúc Vinh	18.383.000		705.600	11.196.600		29.318.100	1.329.000		60.932.300
2	Nguyễn Thúc Vinh, Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Hữu Tuấn (hàng thừa kế của ông Nguyễn Hữu Việt)	162.302.000	345.000.000							507.302.000
3	Nguyễn Hữu Tuấn (là người trong hàng thừa kế của ông Nguyễn Hữu Việt đang trực tiếp canh tác trên các thửa đất thu hồi, đủ điều kiện hỗ trợ).			3.571.120	56.123.693	3.511.049	253.878.000	11.849.000	27.014.400	355.947.262
	Tổng	180.685.000	345.000.000	4.276.720	67.320.293	3.511.049	283.196.100	13.178.000	27.014.400	924.181.562

Phụ lục 2
THÔNG TIN CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

TT	Chủ sử dụng đất (Hộ gia đình/Cá nhân)	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất
1	Nguyễn Thúy Vinh	019169009859	Xóm 4, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Xóm 4, xã Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Phụ lục 3

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số:1830/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Bồi thường đất		Hỗ trợ đất nông nghiệp cùng thửa đất ở			Tổng tiền
						Đơn giá	Thành tiền	Diện tích trong hạn mức giao đất	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	7	8=5x7	9	10	11=9x10	12=8+11
1	Nguyễn Thúy Vinh			132.9			18.383.000				18.383.000
		24	274	29.8	LUK	140.000	4.172.000				
		24	24	42.2	LUC	140.000	5.908.000				
		24	55	38.6	HNK	140.000	5.404.000				
		24	635	22.3	CLN	130.000	2.899.000				
2	Nguyễn Thúy Vinh, Nguyễn Thị Tính, Nguyễn Thị Quỳnh, Nguyễn Hữu Tuấn (hàng thừa kế của ông Nguyễn Hữu Việt)			1.184.9			162.302.000			345.000.000	507.302.000
		24	207	358.4	CLN	130.000	46.592.000	300.0	1.150.000	345.000.000	
		24	197	318.1	HNK	140.000	44.534.000				
		24	277	144.0	HNK	140.000	20.160.000				
		24	202	161.6	LUK	140.000	22.624.000				
		22	358	118.2	LUC	140.000	16.548.000				
		24	306	84.6	LUK	140.000	11.844.000				
	Tổng cộng			1.317.8			180.685.000			345.000.000	525.685.000

Phụ lục 4

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)
(Kèm theo Quyết định số.1830/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Số tờ	Số thửa	Diện tích	Loại đất	Bồi thường sản lượng		Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm		Hỗ trợ ổn định sản xuất		Thành tiền	Tổng tiền
						Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền		
1	Nguyễn Thúy Vinh			132.9			705.600		29.318.100		1.329.000		31.352.700
"	"	24	274	29.8	LUK	9.800	292.040	231.000	6.883.800	10.000	298.000	7.473.840	
"	"	24	24	42.2	LUC	9.800	413.560	231.000	9.748.200	10.000	422.000	10.583.760	
"	"	24	55	38.6	HNK			216.000	8.337.600	10.000	386.000	8.723.600	
"	"	24	635	22.3	CLN			195.000	4.348.500	10.000	223.000	4.571.500	
2	Nguyễn Hữu Tuấn (là người trong hàng thừa kế của ông Nguyễn Hữu Việt đang trực tiếp canh tác trên các thửa đất thu hồi, đủ điều kiện hỗ trợ).			1.184.9			3.571.120		253.878.000		11.849.000		269.298.120
"	"	24	207	358.4	CLN			195.000	69.888.000	10.000	3.584.000	73.472.000	
"	"	24	197	318.1	HNK			216.000	68.709.600	10.000	3.181.000	71.890.600	
"	"	24	277	144.0	HNK			216.000	31.104.000	10.000	1.440.000	32.544.000	
"	"	24	202	161.6	LUK	9.800	1.583.680	231.000	37.329.600	10.000	1.616.000	40.529.280	
"	"	22	358	118.2	LUC	9.800	1.158.360	231.000	27.304.200	10.000	1.182.000	29.644.560	
"	"	24	306	84.6	LUK	9.800	829.080	231.000	19.542.600	10.000	846.000	21.217.680	
	Tổng cộng			1.317.8			4.276.720		283.196.100		13.178.000	300.650.820	300.650.820

Phụ lục 5
PHƯƠNG ÁN HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG
Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc khu đô thị mới Hoá Thượng)
BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

STT	Tên chủ sử dụng	Tổng diện tích đất nông nghiệp thu hồi (m2)	Tỷ lệ (%) mất đất nông nghiệp	Tỷ lệ đất nông nghiệp thu hồi	Tổng số nhân khẩu nông nghiệp	Số tháng hỗ trợ	Kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống (đồng)
1	2	4	5	6	7	8	9=562.800x7x8
1	Nguyễn Hữu Tuấn	1.184.90	>70%	>70%	4	12	27.014.400
	Tổng cộng						27.014.400

Phụ lục 6

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT

Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc khu đô thị mới Hoá Thượng)

(Kèm theo Quyết định số:1830/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hỷ)

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Danh mục	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền	Tổng
1	Nguyễn Thúy Vinh							11.196.600
*	Cây trồng trên thửa đất số 635, tờ bản đồ số 24 , loại đất CLN, diện tích 22,3m2							
-	Cây trồng làm hàng rào găng	m2	Cây có Đk tán > 0,6m chiều dài 5m	5.0	1.00	54.000	270.000	
-	Cây trồng làm hàng rào găng	m2	Cây có Đk tán > 0,6m chiều dài 14,4m	14.4	1.00	54.000	777.600	
-	Bòng	Cây	ĐKG > 25	1.0	1.00	4.000.000	4.000.000	
-	Bòng	Cây	ĐKG 5cm đến 15cm	1.0	1.00	745.000	745.000	
*	Cây trồng trên thửa đất số 55, tờ bản đồ số 24 , loại đất HNK							
-	Rau muống	m2		38.6	1.00	140.000	5.404.000	
2	Nguyễn Hữu Tuấn							56.123.693
*	Cây trồng trên thửa đất số 207, tờ bản đồ số 24 , loại đất CLN diện tích 358,4m2							
	Chuối	Khóm	Chuối chưa ra buồng	30.0	1.00	50.000	1.500.000	
-	Quế	Cây	ĐKG 15cm đến 20cm, D=20, chiều cao 6,5m	1.0	1.00	43.231	488.293	
-	Tre	Cây	D<10 cm	147.0	1.00	26.000	3.822.000	
-	Khế	Cây	ĐKG 10cm đến 20cm	1.0	1.00	350.000	350.000	
-	Nhãn	Cây	ĐKG 10cm đến 20cm	2.0	1.00	1.375.000	2.750.000	
-	Me	Cây	ĐKG >20cm	1.0	1.00	527.000	527.000	
-	Mít	Cây	ĐKG >40cm	2.0	1.00	2.294.000	4.588.000	
-	Mít	Cây	ĐKG 30cm đến 40cm	1.0	1.00	1.650.000	1.650.000	
-	Mít	Cây	ĐKG 15cm đến 20cm	2.0	1.00	660.000	1.320.000	
-	Mít	Cây	ĐKG 7cm đến 10cm	1.0	1.00	350.000	350.000	

TT	Danh mục	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền	Tổng
-	Mít	Cây	ĐKG 3 đến 5cm	2.0	1.00	246.000	492.000	
-	Đỗ	Cây		295.0	1.00	14.000	4.130.000	
*	Cây trồng trên thửa đất số 197, tờ bản đồ số 24, loại đất HNK diện tích 318,1m2							
-	Cà chua	m2		318.1	1.00	44.000	13.996.400	
*	Cây trồng trên thửa đất số 277, tờ bản đồ số 24, loại đất HNK diện tích 144,0m2							
-	Rau muống	m2		144.0	1.00	140.000	20.160.000	
	Tổng cộng						67.320.293	67.320.293

Phụ lục 7
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG TÀI SẢN, VẬT KIẾN TRÚC
BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
Dự án: Khu đô thị số 3 (thuộc đô thị mới Hoá Thượng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục	ĐVT	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Hệ số (%)	Đơn giá	Thành tiền	Tổng tiền
1	Nguyễn Hữu Tuấn							3.511.049
*	Tài sản trên thửa đất 207, tờ bản đồ số 24.							
-	Thành giếng xây gạch chỉ trát 1 mặt	m3	0,07*0,55*(0,7*3,14)	0.08	60%	1.755.000	89.108	
-	Lòng giếng cuốn gạch chỉ	m3	0,07*(0,7*3,14)*11,95	1.84	60%	1.755.000	1.936.074	
-	Bó bờ xây gạch chỉ silicat	m3	0,27*0,17*8,63	0.40	60%	1.292.000	307.070	
-	Nền láng vữa xi măng	m2	0,37*0,37*3,14-0,36*0,36*0,14	0.41	60%	52.000	12.846	
-	Giếng đào	m3	0,35*0,35*3,14*12	4.62		421.000	1.165.951	
	Tổng cộng				60%		3.511.049	3.511.049